

giữ nổi nhân tính, nhân phẩm vì miếng cơm manh áo và cái chất hèn, chất nô lệ đã thấm vào trong máu không biết từ kiếp nào”.

Lại nói về quan điểm nghệ thuật của Nam Cao. Người viết dẫn lời nhân vật Hộ trong truyện ngắn “Đời thừa” của ông: “*Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca ngợi lòng thương, tình bác ái, sự công bình. Nó làm cho người gần người hơn*”. Tôi định hướng cho HS cảm nhận, khai thác lời nhân vật Hộ nói trên và đưa ra kết luận: theo Nam Cao, một tác phẩm thực sự giá trị phải có giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ. Khi yêu cầu HS đánh giá về quan điểm này, một HS nêu ý kiến: “*Theo em, quan điểm này của Nam Cao chỉ đúng với bối cảnh lúc đó, bây giờ thì chưa chắc đã đúng*”. Lập luận như sau: *Giá trị của một tác phẩm văn học biểu hiện trên nhiều phương diện (nội dung, nghệ thuật, tư tưởng...). Giá trị nhân đạo chỉ là một phương diện có thể có chứ không phải nhất thiết phải có và càng không phải giá trị đầu tiên, trước hết, duy nhất; nhiều tác phẩm của Nguyễn Tuân có giá trị lớn nhưng không hề có giá trị nhân đạo (bởi tư tưởng Nguyễn Tuân thuộc phạm trù nhân văn chủ nghĩa)*. Lập luận như vậy xem ra cũng rất thuyết phục.

\*\*\*

PB rất cần thiết trong quá trình dạy học nói chung, dạy học văn nói riêng, nhất là trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay. Nó góp phần quan trọng vào việc đào tạo con người mới: toàn diện, năng động, sáng tạo.

Cái khó nhất của việc phát huy khả năng PB của HS là ở hai điểm: 1) khó thay đổi tư tưởng, quan điểm của GV (họ quen nghĩ mình luôn đúng trước học trò, thậm chí coi PB của HS là hành vi vô lễ); 2) tầm hiểu biết của HS thường bị giới hạn, cùng với kỹ năng lập luận chưa tốt. Vì thế, đề cao mối quan hệ thực sự thân thiện giữa GV và HS là điều rất cần thiết.

Kỹ năng lập luận - PB không phải ngày một ngày hai mà có được mà phải luyện tập trong một thời gian dài, đòi hỏi sự cố gắng và nỗ lực của cả GV và HS. Nếu có phương pháp hợp lý, người viết tin rằng HS sẽ tiến bộ nhanh chóng và sử dụng PB một cách sắc bén, hiệu quả. □

#### Tài liệu tham khảo

1. John Dewey (Phạm Anh Tuấn dịch). **Dân chủ và giáo dục**. NXB Tri thức, H. 2008.

2. Nguyễn Trọng Hoàn (chủ biên). Tài liệu tập huấn giáo viên thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, chương trình giáo dục phổ thông, 2010.

3. Phan Trọng Luận. **Văn học nhà trường, nhận diện - tiếp cận - đổi mới**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.

4. Hoàng Thế Mĩ. “Thuyết trình và thảo luận, một hình thức học tập tác phẩm văn chương”. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, số 8/1987.

5. Đỗ Hữu Quang. “Giờ học đối thoại, con đường giải quyết mọi nghịch lý trong dạy học văn”. *Tạp chí Nghiên cứu giáo dục*, số 6/1995.

#### SUMMARY

*Opponency is a process of thoughts and argument to counter the result of another process of thoughts in order to determine the accuracy of information. Nowadays, lots of advanced educations in the world highly appreciate opponent thoughts in teaching. Specific characteristic of Literature is very important for student to promote their opponent ability. Opponency not only meets the objective of training a comprehensive, dynamic and creative person but also dignifies democracy in education. For this, both teachers and students must have opponent thoughts, deep understanding of the problem, good argument skills and favorable environment. It's essential that opponency must be objective and logic.*

## Ứng dụng công nghệ thông tin...

(Tiếp theo trang 26)

*Powerpoint trong dạy học bài nghiên cứu kiến thức mới phần Lịch sử thế giới lớp 10 – trường trung học phổ thông*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học sư phạm Hà Nội. 2010.

5. Lê Văn Tính. *Thiết kế và sử dụng đồ dùng trực quan quy ước để tạo biểu tượng trong dạy học lịch sử thế giới cận đại lớp 10 (Ban cơ bản) trường trung học phổ thông*. Luận văn thạc sĩ Giáo dục học. Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế. 2007.

#### SUMMARY

*The application of information technology in teaching in general and teaching history in particular is very necessary, contributing significantly to improve the effectiveness of teaching in high schools. The question is what information technology is. The advantages and means of the application of information technology are to build conventional visual appliances in teaching history in high schools... On the other hand, building conventional visual appliances requires teachers to master some utility software as well as sophisticated and serious attitude. So, teachers actually contribute to the process of innovation of teaching methods in high schools today.*

# ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ XÂY DỰNG ĐỒ DÙNG TRỰC QUAN QUY ƯỚC TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

TS. NGUYỄN THÀNH NHÂN\*

**Đ**ất nước ta đang trên đường đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn coi giáo dục, khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu; phát triển giáo dục là nền tảng, xem nguồn nhân lực cao là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp CNH, HĐH; là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội nhanh và bền vững. Với nhận thức đó, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào dạy học nói chung, dạy học Lịch sử (DHLS) nói riêng là cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học ở trường phổ thông.

## 1. Một số phần mềm CNTT có thể sử dụng để xây dựng đồ dùng trực quan quy ước (ĐDTQQU) trong DHLS ở trường phổ thông

Theo cách hiểu của các nhà lí luận dạy học bộ môn, ĐDTQQU là những bản đồ, kí hiệu hình học đơn giản được sử dụng trong DHLS, loại đồ dùng trực quan mà giữa người thiết kế đồ dùng, người sử dụng và người học có một quy ước ngầm nào đó (về màu sắc, kí hiệu hình học...). ĐDTQQU tạo cho học sinh (HS) những hình ảnh tượng trưng, khi phản ánh những mặt chất lượng và số lượng của quá trình lịch sử (LS), đặc trưng khuynh hướng phát triển của hiện tượng kinh tế, chính trị - xã hội của đời sống. DHLS ở trường phổ thông, giáo viên (GV) thường sử dụng các loại ĐDTQQU sau: Niên biểu (niên biểu tổng hợp, niên biểu chuyên đề, niên biểu so sánh), sơ đồ, đồ thị, biểu đồ (hình cột hoặc hình tròn), bản đồ...

Với sự phát triển nhanh chóng của CNTT, ngày càng có nhiều phần mềm ứng dụng ra đời để phục vụ các lĩnh vực hoạt động của con người, trong đó có hoạt động dạy học. Chúng tôi xin giới thiệu một số phần mềm thường được GV lựa chọn và sử dụng nhằm phục vụ, hỗ trợ cho việc DHLS, hay dùng xây dựng ĐDTQQU trong DHLS ở trường phổ thông:

1) **Phần mềm Microsoft PowerPoint** là phần mềm ứng dụng quen thuộc nằm trong bộ Microsoft Office, chủ yếu hỗ trợ trình diễn. Khi dạy học, GV phải "trình bày" nội dung bài giảng trước HS, phần mềm Microsoft PowerPoint sẽ giúp GV xử lí hình thức truyền đạt bài giảng để đạt hiệu quả cao hơn bằng những cách như: cấu tạo bài giảng, ghi trước

dàn bài, ý chính rồi giảng đến đâu lần lượt chiếu lên màn hình đến đây; trình bày gây ấn tượng qua chữ viết, hình vẽ minh họa, các hiệu ứng đa dạng, phong phú cho GV nhiều sự lựa chọn; các kiểu biểu đồ, sơ đồ có sẵn chỉ cần chọn cho thích hợp với nội dung trình bày...

2) **Phần mềm ACD See** là một trong những phần mềm chỉnh sửa ảnh thông dụng, đơn giản. Từ phiên bản 4.0 trở đi, ACD See đã dần tích hợp nhiều tính năng hơn, cho phép người dùng có thể thực hiện được các thao tác phức tạp mà chỉ có phần mềm chỉnh sửa ảnh chuyên nghiệp như Photoshop mới có thể thực hiện được. Phần mềm này có thể hỗ trợ GV LS trong thiết kế, xây dựng các bản đồ, lược đồ động, tạo các slide show để dạy về các sự kiện LS, các trận đánh, chiến dịch...

3) **Phần mềm Violet** là phần mềm công cụ giúp GV có thể xây dựng được các bài giảng điện tử theo ý tưởng của mình một cách nhanh chóng. So với các phần mềm khác, Violet chú trọng hơn trong việc tạo ra các bài giảng có âm thanh, hình ảnh, chuyển động và tương tác, ngôn ngữ giao tiếp và phần trợ giúp của Violet hoàn toàn bằng tiếng Việt... rất phù hợp với HS phổ thông các cấp.

Violet có đầy đủ các chức năng dùng để tạo các trang nội dung bài giảng giống như PowerPoint, riêng đối với việc xử lí dữ liệu multimedia, Violet mạnh hơn hẳn so với PowerPoint. Phần mềm Violet có đặc điểm: chức năng soạn thảo phong phú; nhiều mẫu bài tập được lập trình sẵn; nhiều giao diện khác nhau; tạo sản phẩm bài giảng trực tuyến. Ngoài ra, Violet còn cung cấp sẵn nhiều mẫu bài tập chuẩn thường được sử dụng trong sách giáo khoa và các bài tập như: bài tập trắc nghiệm, bài tập ô chữ, bài tập kéo, thả chữ, hình ảnh...

Ngoài ra, nhiều GV đã và đang sử dụng một số phần mềm khác để hỗ trợ việc dạy học như: phần mềm Window Movie Maker, Herosoft 3000... Đặc biệt, hiện nay ở một số trường THPT cũng đã sử dụng

\* Phòng Tổ chức - Hành chính, Trường Đại học sư phạm - Đại học Huế

phần mềm E-Learning, bảng tương tác vào phục vụ dạy học nói chung và DHLS nói riêng, nhưng chưa phổ biến.

## **2. Những ưu thế của việc ứng dụng CNTT để xây dựng ĐDTQQƯ trong DHLS ở trường phổ thông**

Do có tính năng đa dạng nên máy tính có thể hỗ trợ nhiều cho cả GV và HS, đặc biệt với khả năng truy xuất nhanh, lưu trữ, sắp xếp các hiệu ứng hình ảnh, máy tính sẽ giúp GV thiết kế và sử dụng ĐDTQQƯ hữu hiệu và tiện lợi. Đồng thời, góp phần khắc phục tình trạng truyền đạt nội dung dưới dạng văn bản và hình ảnh ở dạng tĩnh, góp phần tạo biểu tượng LS chân thực, cụ thể hoá, khắc phục tình trạng hiện đại hóa LS.

Ứng dụng CNTT để thiết kế và sử dụng ĐDTQQƯ, cùng với các phần mềm hỗ trợ có thể tạo ra được các ĐDTQQƯ đẹp mắt, với màu sắc hấp dẫn, chuyển động sinh động và tạo hứng thú học tập cho HS. Cùng đó, GV dễ dàng đưa vào các bài giảng điện tử; tiến hành trình chiếu nhiều lần xen kẽ các ĐDTQQƯ này mà không tốn nhiều thời gian và công sức; kết hợp ĐDTQQƯ với các phương pháp dạy học khác.

Các hình ảnh trực quan sinh động trong bài giảng điện tử giúp HS khắc sâu kiến thức, hiểu sự kiện sâu sắc hơn thông qua phân tích, so sánh, tổng hợp trên cơ sở quan sát hình ảnh cụ thể về sự kiện LS và các ĐDTQQƯ; rèn cho HS tính độc lập, tự chủ, sáng tạo, khả năng thực hành... Như vậy, ứng dụng CNTT để thiết kế ĐDTQQƯ có ý nghĩa không nhỏ vào công cuộc đổi mới phương pháp dạy học (PPDH), nhằm nâng cao chất lượng dạy và học bộ môn LS.

## **3. Ý nghĩa của việc ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQƯ trong DHLS ở trường phổ thông**

**1) Đối với GV.** CNTT giúp hoạt động dạy học của GV linh hoạt hơn, góp phần tổ chức điều khiển quá trình dạy học, hợp lý hóa công việc của thầy và trò; các slide đã thể hiện những kiến thức cơ bản nhất và chính xác, hệ thống hình ảnh sinh động kích thích HS nảy sinh nhiều thắc mắc để tìm cách giải quyết, qua đó rèn cho HS khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu...

CNTT còn giúp cải tiến, chỉnh sửa giáo án theo định hướng đổi mới PPDH, xây dựng và sử dụng ĐDTQQƯ; giúp GV có thể thực hiện nhiều PPDH tới nhiều đối tượng HS trong lớp qua các phần mềm dạy học. Không những vậy, GV sẽ là người hướng dẫn HS học tập chứ không phải chỉ phát thông tin cho HS; giúp GV tiết kiệm thời gian truyền đạt thông

tin và có nhiều thời gian để tổ chức các hoạt động nhận thức cho HS; là động lực thúc đẩy GV không ngừng học hỏi, tìm kiếm tài liệu, tư liệu thường xuyên, buộc GV phải luôn hoàn thiện, nâng cao trình độ của mình nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học ngày càng cao.

Ví dụ, khi tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền từ sau khi phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, GV có thể sử dụng lược đồ Việt Nam (trống) để HS (trên cơ sở đọc sách giáo khoa) xác định địa danh một số địa phương mà cuộc khởi nghĩa giành chính quyền sớm đã diễn ra, sau đó GV kích chuột để lần lượt cho hiển thị các kí hiệu cờ khởi nghĩa ở khu căn cứ địa Cao - Bắc - Lạng, Ba Tơ (Quảng Ngãi), Bắc Giang, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... kết hợp với những hình ảnh hoặc sử dụng đoạn tư liệu về một số phong trào tiêu biểu (phong trào "phá kho thóc, giải quyết nạn đói", khởi nghĩa Ba Tơ). Qua đó, hướng dẫn HS tìm hiểu rõ ràng biểu hiện chung của các cuộc khởi nghĩa trên, như: phạm vi hoạt động, cấp lãnh đạo, mục tiêu khởi nghĩa... rút ra nhận xét về tính chất của những cuộc khởi nghĩa thời kì này.

**2) Đối với HS.** Ứng dụng CNTT để xây dựng ĐDTQQƯ trong DHLS góp phần đặc lực trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung, cũng như mục tiêu từng khóa trình, từng chương, từng bài học nói riêng. Điều đó thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

- *Về mặt kiến thức.* HS dễ nhận biết, dễ nhớ các sự vật hiện tượng, sự kiện của quá trình LS hay một giai đoạn LS, làm giờ HS động, hấp dẫn, hứng thú hơn, tăng hiệu quả học tập của HS. Khi HS được quan sát trực quan, sinh động (kết hợp cả nghe và nhìn) sẽ dễ dàng nắm các sự kiện LS, mốc thời gian, địa danh, nhân vật LS... (có ý nghĩa quan trọng trong tạo biểu tượng LS) - bước đầu trong quá trình hình thành tri thức cho HS.

Ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQƯ là công cụ hỗ trợ HS trong xây dựng kiến thức chủ động, góp phần giúp HS có vốn kiến thức đa dạng và hệ thống. Ví dụ, khi dạy Bài 21 "Phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX" (Lịch sử 11, chương trình Chuẩn), GV trình chiếu bảng so sánh xu hướng bạo động và xu hướng cải cách đầu thế kỉ XX, kết hợp với trình chiếu hình ảnh và cung cấp tiểu sử các nhân vật tiêu biểu như: Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... Qua đó, GV sẽ hình thành cho HS lòng tôn kính các bậc tiền bối, tự hào về truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

- *Về mặt bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm.* LS là môn học có những ưu thế nhất định trong việc giáo dục tư tưởng, tình cảm đạo đức cho HS. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, trong quá trình dạy học, GV phải trình bày các sự kiện LS chính xác, cụ thể, sinh động. Việc ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQU sẽ trợ giúp đắc lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ này, từ đó góp phần tác động đến tư tưởng, tình cảm HS và định hướng HS có hành động đúng. Ví dụ, khi dạy Bài 19, mục III.1.2. "*Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kì sau hiệp ước 1862*" (Lịch sử 11, chương trình Chuẩn), GV cần hướng HS nắm được cuộc chiến đấu của nhân dân Nam Kì sau hiệp ước Nhâm Tuất (1862). GV có thể khai thác nguồn tư liệu đưa vào nội dung bài dạy những hình ảnh: Trương Định nhận phong soái, lược đồ kháng chiến chống pháp ở Nam kì, hình ảnh Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực... kết hợp với tường thuật, miêu tả một số trận đánh tiêu biểu để minh họa cho HS. Sau khi HS quan sát sẽ nhớ kĩ, hiểu sâu về cuộc đấu tranh của nhân dân Nam kì sau hiệp ước 1862.

- *Về mặt phát triển.* Ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQU trong DHLS giúp HS phát triển kĩ năng quan sát, tư duy và ngôn ngữ. Nhìn vào ĐDTQQU, HS thích nhận xét, phán đoán hình dung lại quá khứ LS được phản ánh, từ đó qua tư duy, HS sẽ tìm cách diễn đạt bằng lời nói chính xác, có hình ảnh rõ ràng và cụ thể.

Hơn nữa, dạy học ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQU còn có tác dụng phát triển khả năng thực hành cho HS. Dưới sự hướng dẫn của GV, HS sẽ biết cách tự vẽ bản đồ, xây dựng sơ đồ hay lập niên biểu về các sự kiện trên máy tính cho đúng và chính xác; rèn kĩ năng, kĩ xảo qua hoạt động thường xuyên với các phương tiện CNTT, tạo môi trường học tập sinh động (HS đóng vai trò chủ thể). Ví dụ, khi dạy Bài 19, phần I, mục 3 "*Chiến sự ở Đà Nẵng*" (Lịch sử 11, chương trình Chuẩn), GV chiếu lược đồ liên quân Pháp - Tây Ban Nha (trống), khi giảng đến sự kiện nào, GV lần lượt cho xuất hiện các sự kiện đó, kết hợp với các hình ảnh liên quân Pháp - Tây Ban Nha tấn công Đà Nẵng năm 1858 để HS nắm chắc sự kiện và nhớ kiến thức lâu hơn. Qua đây, giúp HS biết phân tích, so sánh, đánh giá và rút ra kết luận, đồng thời rèn kĩ năng, kĩ xảo, vẽ bản đồ, lập niên biểu bằng CNTT cho HS.

Với tất cả các ý nghĩa trên, việc ứng dụng CNTT để xây dựng và sử dụng ĐDTQQU sẽ góp phần nâng cao chất lượng DHLS, gây hứng thú và phát huy tính tích cực cho HS.

## 5. Ứng dụng CNTT để xây dựng hệ thống ĐDTQQU trong DHLS

Trong hệ thống đồ dùng trực quan phục vụ DHLS ở trường phổ thông, ĐDTQQU có vai trò quan trọng giúp nâng cao hiệu quả dạy học. ĐDTQQU ít có sẵn, chủ yếu do GV và HS tự xây dựng trên cơ sở nội dung bài, gồm: *bản đồ, niên biểu, sơ đồ, đồ thị, biểu đồ...*

Quy trình thiết kế mỗi loại ĐDTQQU cụ thể có sự khác nhau, tuy nhiên đều tuân theo những bước chung nhất định: - Đọc kĩ và nắm vững nội dung kiến thức bài học trong sách giáo khoa để có thể lựa chọn ĐDTQQU tương ứng, thích hợp; - Phác thảo và thiết kế ĐDTQQU ra giấy, dự kiến cách thiết kế và cách thức sử dụng khi đã được thiết kế trên máy; - Thiết kế ĐDTQQU bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; - Chạy thử toàn bộ, chỉnh sửa bố cục, nội dung, kiểu và thứ tự trình diễn các hiệu ứng; - Hoàn thiện, đóng gói, lưu tập in.

Ví dụ, cách xây dựng một số loại ĐDTQQU, quy trình xây dựng bản đồ giáo khoa điện tử, gồm các bước: 1) Xác định mục tiêu và kiến thức cơ bản của bài học LS cần sử dụng bản đồ; 2) Thu thập và xử lí số hóa các nguồn tài liệu liên quan; 3) Xác định hệ thống kí hiệu, màu sắc của bản đồ; 4) Dự kiến các kiểu, trình tự hiệu ứng và các nội dung liên kết của bản đồ phù hợp với ý tưởng sư phạm; 5) Phác thảo bố cục nội dung của bản đồ; 6) Tiến hành xây dựng trên máy vi tính với phần mềm thích hợp; 7) Chạy thử và điều chỉnh về nội dung cũng như kĩ thuật (nếu có); 8) Lưu tập tin trên máy tính và thẻ nhớ USB hoặc CD-Rom.

\*\*\*

Ứng dụng CNTT để xây dựng ĐDTQQU có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao hiệu quả DHLS ở trường phổ thông. Công việc này đòi hỏi ở GV sự công phu, nghiêm túc trong quá trình xây dựng. Đặc biệt, GV cần chú ý tự nâng cao năng lực ứng dụng CNTT để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nghề dạy học. □

### Tài liệu tham khảo

1. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên). **Lịch sử 11**. NXB Giáo dục, H. 2009.
2. Phan Ngọc Liên (tổng chủ biên). **Lịch sử 12**. NXB Giáo dục, H. 2009.
3. Phan Ngọc Liên - Trần Văn Trj. **Phương pháp dạy học lịch sử**. NXB Giáo dục, H. 2000.
4. Đoàn Văn Hưng. *Sử dụng phần mềm Microsoft*

(Xem tiếp trang 17)